

Bản án số: 130/2017/DS-PT

Ngày 13 tháng 7 năm 2017

V/v “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất;
chia thừa kế di sản; chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2016/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2016 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và chia thừa kế di sản; chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2015/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2016/QĐXX-DS ngày 06 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Châu Thị T, sinh năm 1930 (chết ngày 23/8/2009).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T:

1/ Bà Nguyễn Thị Xuân M, (có mặt).

Địa chỉ: 148/1 tổ 16, ấp L H, xã P Th, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị Xuân N.

Địa chỉ: số 781/4, tổ 19, ấp Đ, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư, (có mặt).

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Xuân L, (có mặt).

Địa chỉ: 210 ấp 4, xã T H, huyện C Đ, Thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Nguyễn Thị Xuân T, (có mặt).

Địa chỉ: ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, (có mặt).

Địa chỉ: 147/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

6/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Định cư tại Phần Lan.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

7/ Bà Nguyễn Thị Tuyết T A.

Địa chỉ: số 270 tổ 12, ấp L P C, xã L H L, huyện C G, Tiền Giang.

8/ Bà Nguyễn Thị Tuyết T B (có mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp C X, xã T P, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

9/ Bà Nguyễn Thị Xuân Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: F 11/1B, ấp 6, xã V L A, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

10/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư (có mặt).

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

11/ Ông Nguyễn Quang M (có mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

12/ Bà Nguyễn Thị Hồng P (vắng mặt).

Địa chỉ: 213/8 N T L, phường 2, quận B T, TP.Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

13/ Ông Nguyễn Trung L (vắng mặt).

Địa chỉ: 131/1 tổ 14, ấp L H, xã P Th, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

14/ Bà Nguyễn Thị Kim N (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

15/ Bà Nguyễn Thị V (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B X, xã T P, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

16/ Ông Nguyễn Chí T (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

17/ Ông Nguyễn Hào H (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

18/ Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

19/ Ông Nguyễn Thành T (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân M.

Địa chỉ: 148/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

20/ Ông Nguyễn Hữu D, (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ S, xã T A L, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T: Luật sư Phùng Anh Chuyên, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Văn T, (có mặt).

Địa chỉ: ấp A B, xã A H T, huyện B T, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:

1/ Bà Nguyễn Thị Xuân M, (có mặt).

Địa chỉ: 148/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị Xuân N.

Địa chỉ: số 781/4, tổ 19, ấp Đ, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Xuân Đ, (vắng mặt).

Địa chỉ: F 11/1B, ấp 6, xã V L A, huyện B C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

4/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đư.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

5/ Bà Nguyễn Thị Xuân L, (có mặt).

Địa chỉ: 210 ấp 4, xã T H, huyện C Đ, Thành phố Cần Thơ.

6/ Bà Nguyễn Thị Xuân T, (có mặt).

Địa chỉ: ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

7/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, (có mặt).

Địa chỉ: 147/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

8/ Bà Nguyễn Thị Tuyết T A, (có mặt).

Địa chỉ: số 270 tổ 12, ấp L P C, xã L H L, huyện C G, Tiền Giang.

9/ Bà Nguyễn Thị Tuyết T B, (có mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp C X, xã T P, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

10/ Ông Nguyễn Quang M, (có mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

11/ Ông Nguyễn Thành T, (vắng mặt).

Địa chỉ: 131/1 tổ 14, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Xuân M.

Địa chỉ: 148/1 tổ 16, ấp L, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân thành phố M T.

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho.

(có đơn xin vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Định cư tại Phần Lan.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đur.

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đur, (có mặt).

Địa chỉ: số 1119, ấp 1, xã Đ T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ông Phạm Văn D, (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Địa chỉ: 147/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

5/ Ông Phạm Quốc H.

6/ Phạm Ngọc Phương T.

Đại diện theo pháp luật của H, T: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Địa chỉ: 147/1 tổ 6, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

7/ Bà Nguyễn Thị Hồng P, (vắng mặt).

Địa chỉ: 213/8 N T L, phường 2, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

8/ Ông Nguyễn Trung L.

Địa chỉ: số 131/1, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

9/ Bà Nguyễn Thị Kim N (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quang M.

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

10/ Bà Huỳnh Thị L, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Xuân M.

Địa chỉ: 148/1 tổ 16, ấp L H, xã P T, TP. M T, tỉnh Tiền Giang.

11/ Bà Lê Thị Kim N, (vắng mặt).

12/ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

13/ Ông Nguyễn Thành Nhân, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

14/ Bà Nguyễn Thị Vui, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B X, xã T P, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

15/ Bà Nguyễn Thị H, (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

16/ Ông Nguyễn Hào H, (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 14 ấp L H, xã P T, TP.M T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

17/ Ông Nguyễn Hữu D.

Địa chỉ: ấp Đ S, xã T A L, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N.

Địa chỉ: tổ 16 ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

18/ Nguyễn Chí T, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2009 của nguyên đơn cụ Châu Thị T những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cụ Châu Thị T và cụ Nguyễn Văn B có tạo lập được 150m² đất gò, 475m² đất màu, 20.847m² đất ruộng, 5.959m² đất vườn và thổ cư, 01 căn nhà thờ trên phần đất vườn (theo trích lục hồ sơ địa chính, cụ Nguyễn Văn B đứng tên quyền sử dụng đất); năm 1988 cụ B chết không để lại di chúc, cụ T tiếp tục quản lý phần di sản nêu trên. Năm 1989 cụ T được Ủy ban nhân dân huyện C T cấp giấy tạm quyền sử dụng đất diện tích 5.959m² đất TQ và 15.773m² đất 2L. Năm 1997, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy đỏ) diện tích 9.075m² đất màu và 4.168m² đất thổ quả. Năm 2003 do cụ không biết chữ nên ông N đã tự ý lập thủ tục sang tên cho ông N đứng tên quyền sử dụng đất 4.168m² đất thổ quả, nhưng đất và căn nhà thờ vẫn do cụ T quản lý sử dụng. Hiện nay 4.168m² đất thổ quả đã bị giảm diện tích do Nhà nước lấy kênh làm đường, chỉ còn 3.830m².

Nay cụ Châu Thị T yêu cầu ông N trả lại cho bà 3.830m² đất, đồng thời kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N.

Ngày 23/8/2009, nguyên đơn cụ Châu Thị T, chết.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2010 và đơn khởi kiện bổ sung tại các ngày 03/5/2013, ngày 10/3/2014, ngày 05/5/2014 và theo biên bản hòa giải ngày 12/8/2015 và 18/8/2015 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T đồng thời là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thành T cùng trình bày yêu cầu:

Cụ Nguyễn Văn B (chết năm 1988) và cụ Châu Thị T (chết tháng 8/2009), không để lại di chúc, có để lại tài sản như sau: 3.830 m² đất, 01 căn nhà thờ tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang, hiện nay do bà Xuân M đang quản lý sử dụng, ông N đứng tên quyền sử dụng đất. Và có để lại phần đất có diện tích 8.713 m² thuộc thửa 672 và 920 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T (trước đây là xã L A, huyện C T), tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01930 QSDĐ/LA ngày 19/6/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C T cấp cho hộ Nguyễn Hữu N, hiện do ông N quản lý sử dụng. Nay các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Đối với diện tích đất 3.800m² đất thổ quả và căn nhà thờ thuộc tờ bản đồ số 2 thửa 514 tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang, xin chia theo ½ theo di sản thừa kế phần tài sản của bà Châu Thị T chết để lại và ½ chia theo tài sản chung chưa chia phần của ông Nguyễn Văn B, xin nhận bằng hiện vật và giao cho bà Nguyễn Thị Xuân M đại diện quản lý đất và căn nhà thờ, riêng phần ngôi nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Y đang ở xin cho bà Y được nhận bằng hiện vật.

Đối với diện tích đất 8.713m² thuộc thửa 672 và 920 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, xin chia theo ½ theo di sản thừa kế phần tài sản của cụ Châu Thị T chết để lại và ½ chia theo tài sản chung phần của ông Nguyễn Văn B. Phần này xin nhận bằng hiện vật và giao cho bà M đại diện quản lý.

Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4469 QSDĐ ngày 14/10/2003 diện tích 3.830m² do Ủy ban nhân dân huyện C T tỉnh Tiền Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01930 QSDĐ/LA ngày 19/6/1999 diện tích 8.713m² do Ủy ban nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1994, anh em trong gia đình có sự bất hòa nên cuối năm 1995 vợ chồng ông quyết định ra ở riêng; trong thời gian ra ở riêng, mẹ ông (cụ Châu Thị Tám) quản lý khoảng 9.000m² đất màu và 4.000m² đất thổ quả nhưng do

thiếu người chăm sóc nên đã bán 3.000m² đất màu. Cuối năm 2001, mẹ ông mời đại diện thân tộc và một số anh chị em họp mặt, tuyên bố giao phần đất thổ quả và căn nhà để ông quản lý, ông có nghĩa vụ trả số nợ cho mẹ ông và thờ cúng ông bà. Năm 2003, mẹ ông làm thủ tục chuyển nhượng cho ông 3.830m² đất thổ quả và hai người em gái là: Nguyễn Thị Ngọc T diện tích 2.907m² đất màu và Nguyễn Thị Xuân L diện tích 1.112m² đất màu, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M diện tích 2.066m² đất màu. Việc chuyển nhượng nêu trên hoàn toàn dựa trên sự đồng ý của mẹ ông và được tiến hành cùng một thời điểm (ngày 14/10/2003). Ngày 06/07/2007, trước sự có mặt của đại diện thân tộc và 04 người con, mẹ ông khẳng định giao lại 3.830m² đất thổ quả và căn nhà thờ để ông chăm sóc, thờ cúng ông bà, những người con khác không được tranh chấp. Ông xác định không có ngược đãi mẹ. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của cụ Tám.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và chia tài sản chung vì tài sản tranh chấp nêu trên đã chuyển tên quyền sử dụng đất và nhà mẹ ông đã giao cho ông được sở hữu.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 23/09/2010 và tại phiên hòa giải ngày 23/9/2010 và ngày 22/12/2010, bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Buộc bà Ngọc Y và ông Phạm Văn D phải tháo dỡ, di dời nhà và các công trình phụ như nhà vệ sinh, trả lại đất, ông đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho chị Y, ông D 3.000.000 đồng; bà Xuân M phải giao trả nhà và đất tranh chấp (hiện bà M đang quản lý) được lưu cư 03 tháng.

Nếu Tòa xác định tài sản tranh chấp là 3.830m² đất thổ quả và căn nhà thờ tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế và chia thừa kế thì ông yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả cho ông tổng cộng các khoản là 99.875.000 đồng (trả nợ thay cho bà T: 17.000.000 đồng, tiền sửa nhà thờ khoảng 40.000.000 đồng, chi phí đám tang bà T: 42.875.000 đồng). Ông yêu cầu được nhận nhà, hoàn trả giá trị còn lại của căn nhà cho các đồng thừa kế theo kỹ phần mỗi người được hưởng. Đối với 01 lượng vàng ông đã đưa cho bà M, bà M hoàn trả lại cho ông theo giá tại thời điểm trả.

Ngày 20/5/2014, ông Nguyễn Hữu N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố tại đơn phản tố nêu trên.

Đối với diện tích đất 8.713m², ông N không đồng ý chia theo yêu cầu của các đồng thừa kế của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn: ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H và những người có liên quan khác đồng ý theo trình bày của ông N. Phần thừa kế của ông D sẽ giao cho ông N quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Thống nhất như nội dung đã trình bày phần trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2015/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 733, 734, 735, 677, 683 Bộ luật dân sự; Điều 113, điểm d khoản 2 điều 121 Luật đất đai; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của các đương sự Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ T về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ chia theo tài sản chung chưa chia phần của ông Nguyễn Văn B chết để lại, và chia $\frac{1}{2}$ chia theo thừa kế theo pháp luật phần di sản của bà T chết để lại, đối với phần đất 3.800m² đất thổ quả, thuộc tờ bản đồ số 2 thửa 514 tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang và phần đất diện tích đất 8.713m² thuộc thửa 672 và 920 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp L H, xã P T, thành phố M T, xin chia cho các đồng thừa kế và những người được hưởng tài sản. Các đồng thừa kế xin nhận bằng hiện vật và giao lại cho chị Nguyễn Thị Xuân M quản lý đất và căn nhà thờ, riêng phần ngôi nhà chị Nguyễn Thị Ngọc Y đang ở xin cho chị Y được nhận bằng hiện vật.

Không chấp nhận yêu cầu của các đương sự Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01930 QSDĐ/LA ngày 19/6/1999 diện tích 8.713m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4469 QSDĐ ngày 14/10/2003 diện tích 3.830m² do Ủy ban nhân dân huyện C T tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo Luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2015 các ông bà Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thành T đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Những người kháng cáo Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thành T kháng cáo bản án sơ thẩm giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn, do bà Nguyễn Thị Ngọc Đư đại diện trình bày: yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Châu Thị T và ông Nguyễn Hữu N, chia thừa kế di sản của ông B, bà T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N, bà Nguyễn Thị Xuân M được nhận nhà thừa kế, bà Nguyễn Thị Ngọc Y được nhận đất có nhà của bà Y.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị:

Phần đất tranh chấp trước đây cụ Châu Thị T đã tự nguyện làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu N, trước khi chết thì cụ T đã kiện đòi lại đất nhưng ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ T không chứng minh được có sự lừa dối hoặc đe dọa trong lúc chuyển nhượng. Những đương sự kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh có sự lừa dối nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự trên, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi xem xét toàn diện, đầy đủ ý kiến tranh luận của các bên đương sự, Đại diện Viện Kiểm sát;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Cụ Nguyễn Văn B (chết năm 1988) và cụ Châu Thị T (chết tháng 8/2009) có 16 người con (một người đã chết, một người ở nước ngoài). Các đồng thừa kế của cụ B cụ T xác nhận, tổng diện tích đất do hai cụ tạo lập khoảng 27.431m². Tháng 3/2009, cụ T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.830m² thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 02, phần diện tích 4.168m² đất thổ quả, trên đất có ngôi nhà của vợ chồng cụ T, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/6/1997, do nhu cầu mở rộng đường, diện tích còn lại là 3.830m² (đo đạc thực tế là 3.731,40m²), trên thửa đất có ngôi nhà của vợ chồng cụ T hiện do bà Nguyễn Thị Xuân M đang quản lý, sử dụng; trên đất còn có nhà của bà Nguyễn Thị Ngọc Y xây dựng từ năm 1991, xây lại nhà kiên cố năm 1998. Tháng 3/2009, cụ T khởi kiện ông Nguyễn Hữu N hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/8/2003 (được UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2003); tháng 9/2009, cụ T chết, những người đồng thừa kế (có cùng quyền lợi với cụ T) kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T. Những người đồng thừa kế của cụ B, cụ T tranh chấp thừa kế di sản của cụ B và cụ T đối với thửa đất 3.830m² và phần diện tích đất 8.718m² thuộc thửa 672 và thửa 920. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 3.830m² và của những người có yêu cầu độc lập về chia thừa kế di sản của cụ B cụ T đối với thửa

đất 3.830m² (thửa 514) và 8.713m² (thửa 672 và thửa 920); những người này kháng cáo như đã trình bày trên.

Xét:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có yêu cầu độc lập về chia tài sản chung của cụ B và chia thừa kế di sản của cụ T đối với các thửa đất 514, 672 và 920. Tuy nhiên, trên thửa đất 3.830m² (thực tế 3.731,4m²) có ngôi nhà từ đường của cụ B và cụ T do bà Nguyễn Thị Ngọc M đang quản lý sử dụng từ khi cụ T còn sống; trên thửa đất này có nhà của bà Nguyễn Thị Ngọc Y xây dựng từ năm 1991, năm 1998 xây lại nhà kiên cố như hiện nay. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chia tài sản chung và chia thừa kế di sản vì cho rằng phía bị đơn ông N rút yêu cầu phản tố nên không xem xét việc bà M, bà Y đang quản lý, sử dụng nhà từ đường và có nhà riêng đã xây cất trên đất có tranh chấp trong cùng vụ án là không xem xét đúng, đầy đủ yêu cầu của những người có quyền yêu cầu tranh chấp chia tài sản của cụ B cụ T và đang có tài sản trên đất theo thủ tục tố tụng dân sự hiện hành. Mặt khác, tại thời điểm xét xử phúc thẩm, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành; vì vậy, việc tranh chấp của các bên đương sự được áp dụng thời hiệu theo pháp luật dân sự hiện hành (điểm d, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015). Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết hiện trạng nhà đất do bà M đang quản lý và nhà của bà Y xây cất nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có yêu cầu tranh chấp chia thừa kế di sản của cụ B cụ T theo thủ tục phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm. Những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự (năm 2015);

Chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và có yêu cầu độc lập của các ông, bà: Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thành T.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 52/DS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc “Đòi quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, chia thừa kế di sản” giữa nguyên đơn cụ Châu Thị T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và những người có liên quan có yêu cầu độc lập kiện bị đơn Nguyễn Hữu N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan khác;

Giao hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các ông bà Nguyễn Thị Xuân M, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Tuyết T A, Nguyễn Thị Tuyết T B, Nguyễn Thị Xuân Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đư, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Trung L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thành T theo các phiếu thu số 001408; 001409; 001410; 001411; 001412; 001413; 001414; 001415; 001416; 001417; 001418; 001419; 001420; 001421; 001422 cùng ngày 01/10/2015 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- NĐ (20);
- BĐ (1);
- NLQ (5);
- Lưu (3) 29b (Án 22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Sáng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn Phan Văn Yên

Huỳnh Sáng